

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ VĂN PHONG

**LIÊN KẾT VÙNG**  
**VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**  
**GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN 2020, TẦM NHÌN 2030**

*Chuyên ngành* : Kinh tế phát triển

*Mã số* : 62 31 01 05

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**1. TS. LÊ ANH VŨ**

**2. TS. PHAN VĂN HÙNG**

**Hà Nội, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Tác giả luận án*

**NGÔ VĂN PHONG**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>7</b>
1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....	7
1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam .....	13
1.3. Những vấn đề chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết và những vấn đề luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết .....	20
<b>Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ LIÊN KẾT VÙNG</b> .....	<b>21</b>
2.1. Vùng và liên kết vùng .....	21
2.2. Cơ sở lý thuyết của liên kết vùng.....	33
2.3. Các nguyên tắc liên kết vùng .....	37
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết vùng.....	38
2.5. Một số tiêu chí đánh giá.....	41
2.6. Kinh nghiệm quốc tế về liên kết vùng và bài học cho Việt Nam.....	44
<b>Chương 3. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ GIAI ĐOẠN 2006 - 2015</b> .....	<b>55</b>
3.1. Điều kiện kinh tế, xã hội của Vùng KTTĐ Bắc Bộ.....	55
3.2. Thể chế, chính sách liên kết vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ .....	60
3.3. Thực trạng liên kết Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.....	62
<b>Chương 4. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY LIÊN KẾT VÙNG KTTĐ BẮC BỘ GIAI ĐOẠN ĐẾN 2020, TẦM NHÌN ĐẾN 2030</b> .....	<b>107</b>
4.1. Bối cảnh .....	107
4.2. Quan điểm phát triển liên kết vùng KTTĐ Bắc Bộ .....	112
4.3. Định hướng liên kết vùng Vùng KTTĐ Bắc Bộ đến 2030.....	113
4.4. Một số giải pháp thúc đẩy liên kết vùng KTTĐ Bắc Bộ .....	116
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>128</b>
<b>DANH MỤC CÁC BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ</b> .....	<b>131</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>132</b>
<b>PHỤ LỤC :</b> .....	<b>137</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEM	Diễn đàn hợp tác Á – Âu
BHYT	Bảo hiểm y tế
CNTT	Công nghệ thông tin
CSKCB	Cơ sở khám chữa bệnh
CTR	Chất thải rắn
d.	Đồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
EU	Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
GMS	Vùng sông Mê-Công mở rộng
GTVT	Giao thông vận tải
KCN	Khu công nghiệp
KKT	Khu kinh tế
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm
MTĐT	Môi trường đô thị
NHTM	Ngân hàng Thương mại
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế
PPP	Hợp tác Công – Tư
QL.	Quốc lộ
TP.	Thành phố
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
URENCO	Công ty môi trường đô thị
USD	Đô-la Mỹ
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

## DANH MỤC CÁC BẢNG TRONG LUẬN ÁN

Bảng 1: Các loại liên kết chính .....	30
Bảng 2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo cả nước và các vùng KTTĐ (%).....	59
Bảng 3: Tổng mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng xã hội của Vùng KTTĐ Bắc Bộ .....	69
Bảng 4. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng xã hội bình quân đầu người của Vùng KTTĐ Bắc bộ năm 2014 .....	69
Bảng 5: Thứ tự các mặt hàng xuất khẩu chính năm 2013.....	71
Bảng 6: Một số thông tin về KKT vùng KTTĐ Bắc Bộ.....	80
Bảng 7: Hạch toán hiệu quả kinh tế của một số cây cùng một thời điểm.....	82
Bảng 8. Cơ cấu lao động tại các Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ .....	92
Bảng 9: Tỷ lệ thất nghiệp của các tỉnh trong vùng .....	93
Bảng 10: Tỷ lệ hộ nghèo của các tỉnh trong vùng (%) .....	94
Bảng 11: Một số kết quả liên kết Vùng KTTĐ Bắc Bộ.....	98

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ TRONG LUẬN ÁN

Hình 1: Sơ đồ chuỗi giá trị chung .....	37
Hình 2: Mô hình bộ máy tổ chức liên kết vùng ở CHLB Đức .....	44
Hình 3: Mật độ dân số các vùng KTTĐ (người/km <sup>2</sup> ) năm 2012 .....	58
Hình 4: Tỷ lệ lao động đang làm việc so dân số và lực lượng lao động của các vùng KTTĐ trên cả nước năm 2011 .....	59
Hình 5. Sơ đồ bộ máy điều phối VKTTĐ .....	61
Hình 6: Mô hình trao đổi giữa các vùng nghiên cứu .....	65
Hình 7: Cơ cấu GDP theo ngành vùng KTTĐ Bắc Bộ năm 2000 và 2010 ....	70
Hình 8: Cơ cấu GDP ngành công nghiệp năm 2008 và 2014 .....	70
Hình 9: Cơ cấu các ngành công nghiệp chủ yếu của Vùng KTTĐ Bắc Bộ năm 2014 .....	71
Hình 10: Số lượng và diện tích các KCN của vùng KTTĐ Bắc Bộ thời kỳ 2001-2010.....	76
Hình 11: Tình hình thu hút đầu tư vào các KCN Vùng KTTĐ Bắc Bộ .....	77
Hình 12: Hiện trạng phân bố các KCN trong vùng KTTĐ Bắc Bộ.....	80
Hình 13: Mô hình liên kết mới vùng KTTĐ Bắc Bộ .....	117
Hình 14: Tam giác phát triển vùng KTTĐ Bắc Bộ.....	119

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Vùng lãnh thổ là một phân hệ trong hệ thống các vùng của mỗi quốc gia. Trong số các lý thuyết về phát triển vùng, phân vùng và hoạt động của các vùng lãnh thổ là một nội dung quan trọng đã được các nhà khoa học trên thế giới về kinh tế và xã hội tập trung nghiên cứu. Đó là một đòi hỏi khách quan từ thực tiễn nghiên cứu cách thức tổ chức phát triển KT-XH các vùng lãnh thổ. Liên kết vùng lãnh thổ cũng đã được nghiên cứu trong nhiều công trình khoa học, tuy nhiên còn nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này nên việc triển khai liên kết vùng còn dàn trải, lúng túng.

Trải qua quá trình phát triển với sự thay đổi về cơ chế quản lý của nhà nước cho phù hợp với xu thế phát triển chung từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, Việt Nam cũng đã có nhiều quan điểm khác nhau về phát triển các vùng, miền, lãnh thổ... được áp dụng trên thực tiễn. Từ quan điểm phát triển đồng đều giữa các vùng miền theo khẩu hiệu như: “*đưa miền núi tiến kịp miền xuôi*”, “*đưa nông thôn theo kịp thành thị*”... rồi đến quan điểm tập trung, ưu tiên nguồn lực phát triển các vùng trọng điểm, như đã xác định trong Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội 2001 - 2010 là: xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) với tốc độ tăng trưởng nhanh nhằm mục tiêu “*đóng góp lớn vào tăng trưởng của cả nước*” và “*lôi kéo, hỗ trợ các vùng khác cùng phát triển*”<sup>1</sup>. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 một lần nữa khẳng định: “*Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực và tác động lan tỏa đến các vùng khác; đồng thời, tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn...*”. Để các vùng KTTĐ có thể phát huy sức mạnh tổng thể, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp vùng thì trước hết phải xây dựng được không gian kinh tế vùng. Từ đó phân bố lại sản xuất theo hướng chuyên môn hóa hoặc hình thành các vùng sản xuất lớn, tập

---

<sup>1</sup> Văn kiện Đại hội Đảng CSVN lần thứ IX

trung... và liên kết vùng sẽ trở thành nhân tố mới góp phần vào tăng trưởng kinh tế vùng. Tuy nhiên, liên kết vùng ở Việt Nam chưa đạt được như kỳ vọng. Theo Hoàng Ngọc Phong, ở Việt Nam hiện nay đang tồn tại “63 vùng kinh tế”, tương ứng với 63 tỉnh, thành. Vì thế, không gian kinh tế vùng bị chia cắt và thu hẹp, nhiều cụm ngành kinh tế (cluster) và sản phẩm thế mạnh mà các tỉnh có lợi thế không được “liên kết” với nhau, hoặc lợi thế so sánh của từng tỉnh không được phát huy, mà còn cạnh tranh cục bộ lẫn nhau, dẫn đến chuỗi giá trị ngành hàng bị cắt khúc; đầu tư trùng lặp, tính gia tăng giá trị thấp, suất đầu tư cao do không tận dụng được “lợi thế dùng chung” trên cơ sở phân công trong nội bộ vùng và liên vùng.

Do đó, nghiên cứu liên kết vùng KTTĐ Bắc Bộ là cần thiết, có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vùng KTTĐ Bắc Bộ là một trong bốn vùng KTTĐ, là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Việt Nam. Trong đó, Hà Nội là Thủ đô của cả nước; Hải Phòng có hải cảng quốc tế quan trọng của Vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng như của các tỉnh phía Bắc Việt Nam và của tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Trong Vùng KTTĐ Bắc Bộ, cảng quốc tế ở Hải Phòng có lượng hàng hóa chuyên tải lớn theo dòng thương mại Trung Quốc với thế giới thông qua trục Côn Minh – Hà Nội – Hải Phòng. Quảng Ninh có khu cửa khẩu Móng Cái với vai trò kết nối khu vực ASEAN – Trung Quốc và là địa phương có nhiều tiềm năng về du lịch. Với những vị trí và lợi thế rất “đặc địa và đặc thù” của tam giác phát triển Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, vùng KTTĐ Bắc Bộ được kỳ vọng trở thành “cực tăng trưởng” của Việt Nam, có vai trò thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển. Tuy nhiên, sau mười lăm năm hình thành và phát triển, vùng KTTĐ Bắc Bộ vẫn chưa có bộ máy vận hành liên kết vùng, chưa thực sự liên kết để tạo ra sức bật lớn trong phát triển kinh tế cho các tỉnh, thành phố trong vùng.

Đến nay, liên kết Vùng KTTĐ Bắc Bộ (bao gồm cả liên kết nội vùng và liên vùng) vẫn còn rất hạn chế với nhiều tồn tại, bất cập cả về cơ chế, chính sách lẫn thực thi trong thực tế. Trong bối cảnh hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, các tỉnh trong vùng KTTĐ Bắc Bộ sẽ chịu tác động rất lớn từ các yếu tố bên ngoài. Xu hướng cấu trúc lại nền kinh tế trước sức ép của hội nhập kinh tế quốc tế sẽ đe dọa trực tiếp đến



sức cạnh tranh của doanh nghiệp, của vùng KTTĐ Bắc Bộ và của quốc gia.

Thực tiễn quá trình phát triển Vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng như yêu cầu về liên kết vùng để tạo ra sức mạnh tổng hợp, đủ sức đối phó với những vấn đề như phát triển bền vững, cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên của ASEAN, APEC, WTO, tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng... phát triển Vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng cần tính đến các yếu tố hợp tác và cạnh tranh với các vùng của khu vực, đặc biệt là các vùng, các tam giác phát triển thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS). Những vấn đề hợp tác và phát triển vùng cần phải được xem xét và tính đến trong quy hoạch tổng thể phát triển vùng KTTĐ Bắc Bộ hiện nay.

Đề tài này tập trung nghiên cứu liên kết vùng Vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2016 để làm sáng tỏ từ lý luận đến thực tiễn liên kết vùng Vùng KTTĐ Bắc Bộ, từ đó tìm ra những giải pháp thúc đẩy sự phát triển của Vùng KTTĐ Bắc Bộ từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### *Mục tiêu tổng quát*

Luận án làm rõ cơ sở lý luận về liên kết vùng, thực trạng, hạn chế, tồn tại trong liên kết Vùng KTTĐ Bắc Bộ từ 2006 đến 2016. Từ đó, đề xuất các giải pháp tăng cường liên kết vùng Vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn 2030.

### *Mục tiêu cụ thể*

- Làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về liên kết vùng.
- Làm rõ thực trạng, hạn chế, tồn tại, nguyên nhân hạn chế trong liên kết Vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2006 – 2016.
- Đề xuất được một số quan điểm, giải pháp tăng cường liên kết Vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn 2030.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **- Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là liên kết Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

## **- Phạm vi nghiên cứu**

### *Phạm vi nội dung*

Trên thực tế, liên kết vùng là một chủ đề có nội dung nghiên cứu rất rộng lớn và phức tạp. Trong thời gian và điều kiện hạn chế, luận án tập trung nghiên cứu liên kết nội vùng, trong khi nội dung liên kết ngoài vùng (liên vùng) của Vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng được đề cập nhưng ở mức độ nhất định. Liên kết vùng bao gồm liên kết trên các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu chính của luận án là liên kết kinh tế; những vấn đề về liên kết xã hội và môi trường sẽ được nghiên cứu ở phạm vi hẹp, tập trung vào một số vấn đề chính, nổi cộm của vùng.

*Phạm vi không gian:* Luận án nghiên cứu trên địa bàn vùng KTTĐ Bắc Bộ

*Phạm vi thời gian:* Nghiên cứu thực trạng liên kết nội vùng Vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2006 – 2015. Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy liên kết vùng Vùng KTTĐ Bắc Bộ đến 2020.

## **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### *Cách tiếp cận chủ yếu của luận án*

- Tiếp cận hệ thống: Luận án đặt liên kết Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong mối quan hệ liên vùng với bên ngoài (trong nước và ngoài nước), không tiến hành nghiên cứu riêng biệt từng vấn đề của vùng mà xem xét, đặt vùng trong mối quan hệ phát triển tổng thể kinh tế, xã hội, môi trường và trong mối quan hệ với hội nhập quốc tế.

- Tiếp cận liên ngành: Liên kết Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ chứa đựng những nội dung, hình thức, các mối quan hệ kinh tế - xã hội đa dạng, đa chiều cạnh. Cách tiếp cận chuyên ngành khó luận giải được những vấn đề phức tạp nêu trên. Vì vậy, luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành: kinh tế học, xã hội học, địa lý... nhằm khắc phục được những hạn chế nêu trên.

*Luận án kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu, bao gồm:*

- *Thu thập và phân tích, tổng quan các tài liệu thứ cấp:* Phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp liên quan tới việc sử dụng những dữ liệu sẵn có (thông tin dạng số và thông tin dạng văn bản) được thu thập từ các tài liệu nghiên cứu đã được thực